

Số: 03/CT-HĐQT

Bình Phước, ngày 19 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Năm 2022)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

- Tên công ty đại chúng: **Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn**
- Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Thanh Bình - Bù Đốp - Bình Phước
- Điện thoại: 02713 563 359 Fax: 02713 563 133 Email:
- Vốn điều lệ: 689.986.200.000 đồng
- Mã chứng khoán: SJD
- Mô hình quản trị công ty:
Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|---|
| 1 | 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ | 29/06/2022 | Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn. |
| 2 | 01/2022/BB-ĐHĐCĐ | 29/06/2022 | Biên bản kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|-------------------------|-------------------------|--|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông: Phạm Văn Viết | Chủ tịch HĐQT | 30/6/2019 | |
| 2 | Ông: Mai Ngọc Hoàn | TV HĐQT | 19/09/2007 | |
| 3 | Ông: Nguyễn Quang Tuyển | TV HĐQT | 10/06/2015 | |
| 4 | Bà: Nguyễn Hồng Vân | TV HĐQT | 27/4/2017 | |
| 5 | Ông: Trần Đức Tân | TV HĐQT không điều hành | 30/6/2019 | |

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-------------------------|--------------------------|-------|---------------------|
| 1 | Ông: Phạm Văn Việt | 5/5 | 100% | |
| 2 | Ông: Mai Ngọc Hoàn | 5/5 | 100% | |
| 3 | Ông: Nguyễn Quang Tuyên | 4/5 | 100% | việc cá nhân |
| 4 | Bà: Nguyễn Hồng Vân | 5/5 | 100% | |
| 5 | Ông: Trần Đức Tân | 5/5 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc:

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tiến hành giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc với các nội dung công việc như sau:

- Công tác quản trị nguồn nhân lực;
- Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Những ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đều được xem xét thận trọng trong các quyết định của Hội đồng quản trị. Trong các cuộc họp quý Hội đồng quản trị đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết/quyết định về đánh giá nhiệm vụ quý trước, triển khai kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng giám đốc có cơ sở triển khai.

Bên cạnh việc trao đổi tại các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin qua thư điện tử và điện thoại... để giải quyết các vướng mắc, tình hình triển khai, thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài ra, việc giám sát Ban Tổng giám đốc còn được thực hiện thông qua báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc gửi các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

5.1 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|------------|--|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 10/01/2022 | Nghị quyết Thông qua chủ trương sử dụng trụ sở 165 Trường Chinh, Pleiku, Gia lai của Chi nhánh Công ty – Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 25/01/2022 | Nghị quyết về việc Phê duyệt phương án quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 28/01/2022 | Nghị quyết về việc tạm thời chưa trích lập dự phòng khoản phải thu Tổng công ty Sông Đà - CTCP |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 10/02/2022 | Nghị quyết về việc xây dựng phương án giá điện đàm phán Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Nà Lơi và Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 15/02/2022 | Nghị quyết thông qua dự thảo Báo cáo tài chính quý IV năm 2021 |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 03/03/2022 | Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2020 |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 14/03/2022 | Nghị quyết thông qua dự thảo Báo cáo tài chính năm 2021 |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 23/03/2022 | Nghị quyết về việc xây dựng phương án tái cấu trúc Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 23/03/2022 | Nghị quyết về việc bàn giao đất tại Chi nhánh Công ty – |

| | | | |
|----|-------------|------------|---|
| | | | Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 10 | 09A/NQ-HĐQT | 29/03/2022 | Nghị quyết hợp thường kỳ của HĐQT công ty quý I-2022 |
| 11 | 10/NQ-HĐQT | 30/03/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt chi phí quản lý vận hành năm 2022 Công ty mẹ - Nhà máy thủy điện Cần Đơn |
| 12 | 11/NQ-HĐQT | 30/03/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch chi phí mua sắm vật tư thiết bị năm 2022 Công ty mẹ - Nhà máy thủy điện Cần Đơn |
| 13 | 12/NQ-HĐQT | 30/03/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch chi phí quản lý vận hành năm 2022 – Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 14 | 13/NQ-HĐQT | 30/03/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch chi phí mua sắm vật tư thiết bị năm 2022- Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 15 | 14/NQ-HĐQT | 30/03/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch chi phí quản lý vận hành năm 2022 – Nhà máy thủy điện Nà Lơi |
| 16 | 15/NQ-HĐQT | 30/03/2022 | Nghị quyết về phê duyệt Kế hoạch chi phí mua sắm vật tư thiết bị năm 2022 của Nhà máy thủy điện Nà Lơi |
| 17 | 16/NQ-HĐQT | 06/04/2022 | Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| 18 | 17/NQ-HĐQT | 13/04/2022 | Nghị quyết về việc bổ nhiệm chức danh Trợ lý thư ký Công ty |
| 19 | 18/NQ-HĐQT | 20/04/2022 | Nghị quyết về chủ trương thuê các đơn vị tư vấn phục vụ công tác thoái vốn của Công ty tại Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên |
| 20 | 18A/NQ-HĐQT | 28/04/2022 | Nghị quyết Hợp thường kỳ Quý II-2022 |
| 21 | 19/NQ-HĐQT | 09/05/2022 | Nghị quyết về việc khắc phục sự cố kỹ thuật Tổ máy số 1 – Nhà máy thủy điện Cần Đơn |
| 22 | 20/NQ-HĐQT | 10/05/2022 | Nghị quyết về việc thay thế, sửa chữa hệ thống DCS Nhà máy thủy điện Cần Đơn |
| 23 | 21/NQ-HĐQT | 11/05/2022 | Nghị quyết về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 |
| 24 | 22/NQ-HĐQT | 11/05/2022 | Nghị quyết về công tác triển khai khắc phục hư hỏng tuabine Tổ máy số 1 |
| 25 | 23/NQ-HĐQT | 26/05/2022 | Nghị quyết về việc thông qua một số nội dung công tác sửa chữa, khắc phục hư hỏng Tuabine tổ máy số 1 – Nhà máy thủy điện cần Đơn |
| 26 | 24/NQ-HĐQT | 07/06/2022 | Nghị quyết Thông qua kế hoạch tổ chức và dự thảo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 |
| 27 | 25/NQ-HĐQT | 16/06/2022 | Nghị quyết về việc Phê duyệt chi phí ủng hộ khởi công xây dựng các công trình trong khuôn viên đất Đình Cả |
| 28 | 26/NQ-HĐQT | 27/06/2022 | Nghị quyết về việc thông qua việc thay đổi lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 |
| 29 | 27/NQ-HĐQT | 28/06/2022 | Nghị quyết về việc quyết toán chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021; Kế hoạch chi trả năm 2022 |
| 30 | 28/NQ-HĐQT | 29/06/2022 | Nghị quyết về việc ban hành tài liệu do ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn ủy quyền |
| 31 | 29/NQ-HĐQT | 30/06/2022 | Nghị quyết thông qua một số nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên |
| 32 | 30/NQ-HĐQT | 01/07/2022 | Nghị quyết về việc triển khai thực hiện các nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 |
| 33 | 31/NQ-HĐQT | 01/07/2022 | Nghị quyết về việc đơn xin thôi là thành viên Hội đồng quản trị và thôi là Tổng giám đốc Công ty của ông Mai |

| | | | |
|----|------------|------------|--|
| | | | Ngọc Hoàn |
| 34 | 32/NQ-HĐQT | 12/07/2022 | Nghị quyết về việc thuê đơn vị tư vấn tính toán các chỉ tiêu NPV, IR và bổ sung chi phí quản lý vận hành năm 2022- Nhà máy thủy điện Nà Lơi |
| 35 | 33/NQ-HĐQT | 18/07/2022 | Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung hệ thống thang lương, phụ cấp lương của Cán bộ Công nhân viên Công ty |
| 36 | 34/NQ-HĐQT | 01/08/2022 | Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 |
| 37 | 35/NQ-HĐQT | 01/08/2022 | Nghị quyết về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thay thế chức danh trợ lý thư ký công ty |
| 38 | 36/NQ-HĐQT | 11/08/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt mức chi bồi dưỡng nhân ngày quốc khánh 02-9 |
| 39 | 37/NQ-HĐQT | 22/08/2022 | Nghị quyết thông qua dự thảo Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 |
| 40 | 38/NQ-HĐQT | 23/08/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt chi phí bồi dưỡng nhân ngày Quốc khánh 02-9 |
| 41 | 39/NQ-HĐQT | 08/09/2022 | Nghị quyết họp Hội đồng quản trị thường kỳ Quý III-2022 |
| 42 | 40/NQ-HĐQT | 16/09/2022 | Nghị quyết về phụ lục hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Nà Lơi |
| 43 | 41/NQ-HĐQT | 30/09/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt phụ lục số 12 của Hợp đồng MBĐ số 001/2004/NL/ĐL1 ngày 10/9/2004 của Nhà máy thủy điện Nà Lơi |
| 44 | 42/NQ-HĐQT | 10/10/2022 | Nghị quyết về việc thông qua giao dịch với các bên liên quan năm 2022 |
| 45 | 43/NQ-HĐQT | 14/10/2022 | Nghị quyết về việc ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn |
| 46 | 44/NQ-HĐQT | 24/10/2022 | Nghị quyết về việc thuê đơn vị tư vấn lập phương án giá điện của Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 47 | 45/NQ-HĐQT | 16/11/2022 | Nghị quyết về công tác nhân sự Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn |
| 48 | 46/NQ-HĐQT | 16/11/2022 | Nghị quyết họp thường kỳ Quý IV-2022 |
| 49 | 47/NQ-HĐQT | 17/11/2022 | Nghị quyết về việc đề xuất giá mua bán điện tạm trong thời gian chờ đàm phán giá điện chính thức (từ năm 2021 trở đi) của Nhà máy thủy điện Ry Ninh II |
| 50 | 48/NQ-HĐQT | 23/12/2022 | Nghị quyết phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2023 |
| 51 | 49/NQ-HĐQT | 29/12/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt tạm trích và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2022 |
| 52 | 50/NQ-HĐQT | 30/12/2022 | Nghị quyết tạm xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 |

5.2 Các quyết định của Hội đồng quản trị

| Stt | Số Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|------------|---|
| 1 | 01/QĐ-HĐQT | 29/06/2022 | Quyết định về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn |
| 2 | 02/QĐ-HĐQT | 29/06/2022 | Quyết định về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn |
| 3 | 03/QĐ-HĐQT | 29/06/2022 | Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn |
| 4 | 04/QĐ-HĐQT | 16/11/2022 | Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc công ty (Ông Mai Ngọc Hoàn) từ ngày 16/11/2022 |
| 5 | 05/QĐ-HĐQT | 16/11/2022 | Quyết định về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty (Ông Nguyễn Quang Tuyển) từ ngày 16/11/2022 |

| | | | |
|---|------------|------------|--|
| 6 | 06/QĐ-HĐQT | 16/11/2022 | Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc công ty (ông Nguyễn Quang Tuyền) từ ngày 16/11/2022 - 15/11/2027 |
| 7 | 07/QĐ-HĐQT | 17/11/2022 | Quyết định về việc Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn |
| 8 | 08/QĐ-HĐQT | 16/12/2022 | Quyết định về việc phân công nhiệm vụ các Thành viên Hội đồng quản trị. |

III. Ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

| Stt | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | | Trình độ chuyên môn |
|-----|--------------------------|------------|--|-----------------|-----------------------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | |
| 1 | Ông: Vũ Ngọc Long | Trưởng BKS | 18/06/2020 | | Cử nhân Tài chính - Kế toán |
| 2 | Bà: Nguyễn Thị Tuyết Mai | TV BKS | Tái bổ nhiệm 30/06/2019 | | Cử nhân Tài chính - Kế toán |
| 3 | Ông: Bùi Xuân Ninh | TV BKS | Tái bổ nhiệm 30/06/2019 | | Cử nhân Kinh tế |

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự |
|-----|--------------------------|---------------------|-------|------------------|---------------------|
| 1 | Ông: Vũ Ngọc Long | 2/2 | 100% | | |
| 2 | Bà: Nguyễn Thị Tuyết Mai | 2/2 | 100% | | |
| 3 | Ông: Bùi Xuân Ninh | 2/2 | 100% | | |

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông

3.1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý công ty:

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành kịp thời các Nghị quyết và Quyết định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ SXKD mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, 2022 đã giao và công tác quản lý, hoạt động SXKD thường ngày của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng trình tự, thẩm quyền tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị Công ty. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra giám sát Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

- Các Nghị quyết, Quyết định và các chỉ đạo của Hội đồng quản trị được Tổng giám đốc tổ chức thực hiện kịp thời, nghiêm túc và đầy đủ.

- Trong năm 2022, một số chỉ tiêu thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch năm mà ĐHĐCĐ đã giao, bảo toàn phát triển vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, người lao động. Tuy nhiên, trong năm 2022 một số công việc tiến độ thực hiện còn chậm, cụ thể:

+ Công việc hoàn thiện lại Báo cáo tài chính năm 2021 chưa hoàn thành nên chưa tổ chức được ĐHĐCĐ bất thường để thông qua BCTC Kiểm toán năm 2021 và

phương án phân phối nhuận năm 2021; chưa thực hiện được việc quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý và Quỹ tiền lương của người lao động;

+ Công việc khởi kiện các tổ chức, cá nhân có nợ khó đòi với Công ty thực hiện còn chậm;

+ Công tác quyết toán hoàn thành dự án thủy điện Hà Tây chưa xong, còn chậm;

+ Công tác tái cấu trúc Công ty con Công ty cổ phần thủy điện Hà Tây tiến độ triển khai còn chậm;

+ Công tác đàm phán ký kết lại hợp đồng/phụ lục hợp đồng mua bán điện của nhà máy thủy điện Ry Ninh II với Tập đoàn điện lực Việt Nam tiến độ thực hiện chậm chưa hoàn thành.

3.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát được mời tham dự và tham gia ý kiến đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc Công ty. Các ý kiến của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc ghi nhận.

- Kiến nghị và đề xuất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình và được cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo:

+ Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

+ Báo cáo Kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021, Báo cáo Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

+ Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022.

+ Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán Vaco – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022; Kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.

IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên ban điều hành | |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------------|---|------------|
| | | | | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
| 1 | Nguyễn Quang Tuyền | 25/09/1974 | Kỹ sư thủy lợi; Thạc sỹ QTKD | 15/02/2016 | |
| 2 | Mai Ngọc Hoàn | 15/10/1973 | Kỹ sư điện | 01/6/2010 | 16/11/2022 |

V. Người phụ trách kế toán

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm | |
|------------|---------------------|---------------------|--------------------------|------------|
| | | | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
| Hồ Thị Huệ | 11/05/1986 | Cử nhân Kế toán | 03/07/2019 | |

VI. Đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty (có biểu 01 kèm theo)

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|-----------------------------------|---|--|---------------------------------|---------------------------------------|---|---------|
| 01 | Tổng công ty Sông Đà - CTCP | Công ty mẹ | 0100105870 do SKH&ĐT Hà Nội cấp ngày 22/07/2020 | Nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Nam, Q. Thanh Xuân, Hà Nội | Năm 2022 | QĐ số 23/CĐ-QĐ-HĐQT ngày 10/07/2016 | Tiền bán điện năm 2022: 368.229.873.294 đồng | |
| | | | | | Năm 2022 | | Trả gốc vay HĐ vay lại vốn ADB số 02/2011 ngày 30/11/2011: 3.895.989.197 đồng (Bù trừ công nợ) | |
| | | | | | Năm 2022 | | Trả lãi vay và phí vay lại HĐ vay lại vốn ADB số 02/2011 ngày 30/11/2011: 2.366.167.246 đồng (Bù trừ công nợ) | |
| 02 | Công ty cổ phần Điện Việt Lào | Người có liên quan của Công ty | 0101389382 do SKH&ĐT Hà Nội cấp ngày 01/07/2019 | Tầng 9 Khu B tòa nhà HH4, Đ Phạm Hùng, P Mễ Trì, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội | Năm 2022 | | Thu lãi vay: 500.000.000 đồng | |

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: *(Không có)*.
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: *(Không có)*.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ công ty *(có biểu 02 kèm theo)*.
2. Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty: *(Không có)*.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác *(không có)*.

Nơi nhận:

- Như trên; *[Handwritten mark]*
- Lưu: TCHC, TCKT.



Phạm Văn Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Biểu số 02:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Đến ngày 31/12/2022

(Ban hành kèm theo Báo cáo tình hình quản trị năm 2022 số: 03/CT-HĐQT ngày 19 tháng 01 năm 2023)

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Mối quan hệ với thành viên chủ chốt | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú |
|----------|--|---------------------------------|---------------------|--------------|--------------------|-------------------|---|-------------------------------------|--------------------|----------------------|--|
| I | Người có liên quan đến thành viên HĐQT: | | | | | | | | | | |
| 1 | Phạm Văn Viết | 005C017718 tại MBS | CTHĐQT | 031071001829 | 01/03/2016 | Hà Nội | P12.18, Tòa R4B khu đô thị RoyalCity, Thanh Xuân, Hà Nội | | 18,161,056 | | Đại diện 26,32% VĐL từ ngày 14/09/2021 |
| 1.1 | Phạm Văn Thuật | | | | | | | Bố đẻ | | | |
| 1.2 | Nguyễn Thị Rơi | 005C017178 tại MBS | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 1.3 | Phạm Văn Nam | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.4 | Phạm Thị Thoan | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.5 | Phạm Thị Thư | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.6 | Phạm Thị Dinh | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.7 | Phạm Văn Khanh | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.8 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 005C088386 tại Mbs | | | | | | Vợ | | | |
| 1.9 | Phạm Huyền My | | | | | | | Con ruột | | | |
| 1.10 | Phạm Đức Minh | | | | | | | Con ruột | | | |
| 1.11 | Nguyễn Văn Miến | | | | | | | Cha vợ | | | |
| 1.12 | Trần Thị Tư | | | | | | | Mẹ vợ | | | |
| 1.13 | Mai Thị Thanh Ngân | | | | | | | Em dâu | | | |
| 1.14 | Nguyễn Thị Thu Hà | | | | | | | Em dâu | | | |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKĐ | Nơi cấp CMND/ĐKKĐ | Địa chỉ | Mối quan hệ với thành viên chủ chốt | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|---------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------|--------------------|---|--|-------------------------------------|--------------------|----------------------|---|
| 1.15 | Đặng Quang Hưng | | | | | | | Em rể | | | |
| 1.16 | Đặng Văn Nam | | | | | | | Em rể | | | |
| 2 | Mai Ngọc Hoàn | | TVHĐQT | 285174181 | 29/11/2018 | A Bình Phước | Khu tập thể Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước | | | | |
| 2.1 | Mai Văn Minh | | | | | | | Bố đẻ | | | |
| 2.2 | Lã Thị Bé | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 2.3 | Đỗ Thị Gái | | | | | | | Vợ | | | |
| 2.4 | Mai Đỗ Nhật Quế Anh | | | | | | | Con ruột | | | |
| 2.5 | Mai Đỗ Nam Long | | | | | | | Con ruột | | | |
| 2.6 | Mai Thị Huệ | | | | | | | Em gái | | | |
| 2.7 | Trần Quốc Doanh | | | | | | | Em rể | | | |
| 2.8 | Đỗ Thanh Bạo | | | | | | | Bố vợ | | | |
| 2.9 | Đỗ Thị Lan | | | | | | | Mẹ vợ | | | |
| 2.10 | Đỗ Hồng Tiềm | | | | | | | Em trai vợ | | | |
| 2.11 | Đỗ Thị Thanh Nga | | | | | | | Em gái vợ | | | |
| 2.12 | Đỗ Tiến Vinh | | | | | | | Em trai vợ | | | |
| 3 | Nguyễn Quang Tuyển | | TGD-TVHĐQT | 034074011663 | 19/04/2021 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | Lai Uyên - Bến Cát - Bình Dương | | | 10,000,000 | Đại diện 14,49% VDL từ ngày 16/11/2022 |
| 3.1 | Nguyễn Thị My | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 3.2 | Nguyễn Quang Tự | | | | | | | Anh trai | | | |
| 3.3 | Nguyễn Quang Từ | | | | | | | Anh trai | | | |
| 3.4 | Nguyễn Quang Tuy | | | | | | | Anh trai | | | |
| 3.5 | Nguyễn Quang Tuy | | | | | | | Anh trai | | | |
| 3.6 | Nguyễn Thị Thảo | | | | | | | Vợ | | | |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Mối quan hệ với thành viên chủ chốt | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|------------------------|---------------------------------|---------------------|---------------------|--------------------|--|--|-------------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------------------------|
| 3.7 | Nguyễn Quang Khải | | | | | | | Con ruột | | | |
| 3.8 | Nguyễn Thị Mỹ Anh | | | | | | | Con ruột | | | |
| 3.9 | Hà Thị Thực | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 3.10 | Nguyễn Thị Hạ | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 3.11 | Nguyễn Thị Quyên | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 3.12 | Dương Thị Tinh | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 4 | Nguyễn Hồng Vân | | TVHĐQT | 001177020233 | 29/04/2021 | Cục CSQLHC về TTXH | Số 23, ngách 231/32, ngõ 231 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội. | | | | |
| 4.1 | Nguyễn Hữu Ngọc | | | | | | | Bố đẻ | | | |
| 4.2 | Hà Ngọc Dung | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 4.3 | Phan Công Khoa | | | | | | | Chồng | | | |
| 4.4 | Phan Khánh An | | | | | | | Con ruột | | | |
| 4.5 | Nguyễn Việt Phương | | | | | | | Anh trai | | | |
| 4.6 | Tăng Thị Thực | | | | | | | Mẹ chồng | | | |
| 5 | Trần Đức Tân | | | 036076009605 | 12/06/2020 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về | 6A9 Đầm Trấu, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội | | 7,000,000 | | Đại diện 10,15 % VĐL, từ ngày |
| 5.1 | Trần Xuân Giai | | | | | | | Bố đẻ | | | |
| 5.2 | Nguyễn Thị La | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 5.3 | Trần Anh Tuấn | | | | | | | Em ruột | | | |
| 5.4 | Đào Thị Tuyết Nhung | | | | | | | Vợ | | | |
| 5.5 | Trần Đức Thịnh | | | | | | | Con ruột | | | |
| 5.6 | Trần Xuân Khánh | | | | | | | Con ruột | | | |
| 5.7 | Trần Thị Thuý Hằng | | | | | | | Em dâu | | | |
| 5.8 | Nguyễn Thị Thanh | | | | | | | Mẹ vợ | | | |
| 5.9 | Đào Quang Vinh | | | | | | | Bố vợ | | | |



| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Mối quan hệ với thành viên chủ chốt | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----------|---|---------------------------------|---------------------|---------------------|--------------------|---|--|-------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|
| II | Người liên quan đến Ban kiểm soát: | | | | | | | | | | |
| 1 | Vũ Ngọc Long | | | 036066000101 | 31/05/2016 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | Số 17, ngõ 07 - Tập thể Công ty vật tư tổng hợp - P. Văn Quán - Q. Hà Đông - TP. Hà Nội | | | | |
| 1.1 | Vũ Đình Thám | | | | | | | Anh trai | | | |
| 1.2 | Vũ Thị Thảo | | | | | | | Chị gái | | | |
| 1.3 | Vũ Ngọc Khanh | | | | | | | Anh trai | | | |
| 1.4 | Vũ Ngọc Phú | | | | | | | Anh trai | | | |
| 1.5 | Vũ Thị Thúy | | | | | | | Em gái | | | |
| 1.6 | Vũ Thị Thu | | | | | | | Em gái | | | |
| 1.7 | Vũ Thị Xuân | | | | | | | Em gái | | | |
| 1.8 | Trịnh Thị Phương | | | | | | | Vợ | | | |
| 1.9 | Vũ Thùy Linh | | | | | | | Con ruột | | | |
| 1.10 | Vũ Minh Tuấn | | | | | | | Con ruột | | | |
| 1.11 | Nguyễn Thị Thúy | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 1.12 | Nguyễn Văn Tạo | | | | | | | Anh rể | | | |
| 1.13 | Hoàng Thị Nga | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 1.14 | Nguyễn Thị Nguyệt Thu | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 1.15 | Nguyễn Gia Thuận | | | | | | | Em rể | | | |
| 1.16 | Lưu Hồng Đức | | | | | | | Em rể | | | |
| 1.17 | Nguyễn Quang Hưng | | | | | | | Em rể | | | |
| 1.18 | Phạm Thị Bưởi | | | | | | | Mẹ vợ | | | |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Mối quan hệ với thành viên chủ chốt | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------|--------------------|--|---|-------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------|
| 2 | Nguyễn Thị Tuyết Mai | | TVBKS | 001177017207 | 05/05/2021 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | Chung cư TSQ, Làng Việt kiều Châu Âu, Mộ Lao, Hà Nội | | | | |
| 2.1 | Phạm Trường Tam | | | | | | | Chồng | | | |
| 2.2 | Phạm Mai Trang | | | | | | | Con ruột | | | |
| 2.3 | Phạm Mai Chi | | | | | | | Con ruột | | | |
| 2.4 | Phạm Quốc Trường | | | | | | | Con ruột | | | |
| 2.5 | Nguyễn Xuân Minh | | | | | | | Em trai | | | |
| 2.6 | Nguyễn Xuân Việt | | | | | | | Em trai | | | |
| 3 | Bùi Xuân Ninh | | TVBKS | 230554449 | 04/12/2010 | CA Gia Lai | Khu tập thể Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước | | | | |
| 3.1 | Trịnh Thị Tuyết | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 3.2 | Nguyễn Lê Yến Hà | | | | | | | Vợ | | | |
| 3.3 | Bùi Xuân Thanh Nhân | | | | | | | Con ruột | | | |
| 3.4 | Bùi Xuân Thanh Minh | | | | | | | Con ruột | | | |
| 3.5 | Nguyễn Thành Công | | | | | | | Bố vợ | | | |
| 3.6 | Lê Thị Nga | | | | | | | Mẹ Vợ | | | |
| III | Người có liên quan đến Ban Giám đốc | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quang Tuyển | | P.TGD | 034074011663 | 19/04/2021 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | Lai Uyên - Bến Cát - Bình Dương | | 11.434 | | Sở hữu cá nhân |
| 1.1 | Nguyễn Thị My | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 1.2 | Nguyễn Quang Tự | | | | | | | Anh trai | | | |
| 1.3 | Nguyễn Quang Từ | | | | | | | Anh trai | | | |
| 1.4 | Nguyễn Quang Tuy | | | | | | | Anh trai | | | |



| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Mối quan hệ với thành viên chủ chốt | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|---------------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------|--------------------|---|--|-------------------------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| 1.5 | Nguyễn Quang Tuý | | | | | | | Anh trai | | | |
| 1.6 | Nguyễn Thị Thảo | | | | | | | Vợ | | | |
| 1.7 | Nguyễn Quang Khải | | | | | | | Con trai | | | |
| 1.8 | Nguyễn Thị Mỹ Anh | | | | | | | Con gái | | | |
| 1.9 | Hà Thị Thực | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 1.10 | Nguyễn Thị Hạ | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 1.11 | Nguyễn Thị Quyên | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 1.12 | Dương Thị Tính | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 2 | Mai Ngọc Hoàn | | TVHĐQT | 285174181 | 29/11/2018 | A Bình Phước | Khu tập thể Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước | | 207 | | Sở hữu cá nhân |
| 2.1 | Mai Văn Minh | | | | | | | Bố đẻ | | | |
| 2.2 | Lã Thị Bé | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 2.3 | Đỗ Thị Gái | | | | | | | Vợ | | | |
| 2.4 | Mai Đỗ Nhật Quế Anh | | | | | | | Con gái | | | |
| 2.5 | Mai Đỗ Nam Long | | | | | | | Con trai | | | |
| 2.6 | Mai Thị Huệ | | | | | | | Em gái | | | |
| 2.7 | Trần Quốc Doanh | | | | | | | Em rể | | | |
| 2.8 | Đỗ Thanh Bạo | | | | | | | Bố vợ | | | |
| 2.9 | Đỗ Thị Lan | | | | | | | Mẹ vợ | | | |
| 2.10 | Đỗ Hồng Tiềm | | | | | | | Em trai vợ | | | |
| 2.11 | Đỗ Thị Thanh Nga | | | | | | | Em gái vợ | | | |
| 2.12 | Đỗ Tiến Vinh | | | | | | | Em trai vợ | | | |
| 3 | Nguyễn Quang Tuyên | | TV HĐQT, TGD | 034074011663 | 19/04/2021 | Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư | Lai Uyên - Bến Cát - Bình Dương | | 11.434 | | Sở hữu cá nhân |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ĐKKĐ | Ngày cấp CMND/ĐKKĐ | Nơi cấp CMND/ĐKKĐ | Địa chỉ | Mối quan hệ với thành viên chủ chốt | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----------|--|---------------------------------|-------------------------|--------------|--------------------|---|---|-------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|
| 3.1 | Nguyễn Thị My | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 3.2 | Nguyễn Quang Tự | | | | | | | Anh trai | | | |
| 3.3 | Nguyễn Quang Từ | | | | | | | Anh trai | | | |
| 3.4 | Nguyễn Quang Tuy | | | | | | | Anh trai | | | |
| 3.5 | Nguyễn Quang Túy | | | | | | | Anh trai | | | |
| 3.6 | Nguyễn Thị Thảo | | | | | | | Vợ | | | |
| 3.7 | Nguyễn Quang Khải | | | | | | | Con trai | | | |
| 3.8 | Nguyễn Thị Mỹ Anh | | | | | | | Con gái | | | |
| 3.9 | Hà Thị Thực | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 3.10 | Nguyễn Thị Hạ | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 3.11 | Nguyễn Thị Quyên | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 3.12 | Dương Thị Tính | | | | | | | Chị dâu | | | |
| IV | Người có liên quan đến Kế toán trưởng/người phụ trách kế toán | | | | | | | | | | |
| 1 | Hồ Thị Huế | | Người phụ trách kế toán | 042186013350 | 12/08/2021 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội | Khu tập thể Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn, Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước | | | | |
| 1.1 | Hồ Công Xiện | | | | | | | Bố đẻ | | | |
| 1.2 | Hồ Thị Chúc | | | | | | | Mẹ đẻ | | | |
| 1.3 | Hồ Minh Đức | | | | | | | Anh Trai | | | |
| 1.4 | Hồ Công Điện | | | | | | | Anh Trai | | | |
| 1.5 | Hồ Thị Diệp | | | | | | | Chị Gái | | | |
| 1.6 | Hồ Hoàn | | | | | | | Anh Trai | | | |
| 1.7 | Hồ Công Huy | | | | | | | Em Trai | | | |
| 1.8 | Hà Văn Tiến | | | | | | | Chồng | | | |
| 1.9 | Hà Hoàng Ngân | | | | | | | Con | | | |

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán | Chức vụ tại Công ty | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Mối quan hệ với thành viên chủ chốt | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phần | Ghi chú |
|----------|-------------------------------|---------------------------------|---|---------------------|--------------------|--|---|-------------------------------------|--------------------|----------------------|---------|
| 1.10 | Hà Kim Ngân | | | | | | | Con | | | |
| 1.11 | Lê Thị Tính | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 1.12 | Nguyễn Thị Minh | | | | | | | Chị dâu | | | |
| 1.13 | Nguyễn Văn Hùng | | | | | | | Anh rể | | | |
| 1.14 | Hà Ngọc Tâm | | | | | | | Bố chồng | | | |
| 1.15 | Trần Thị Oanh | | | | | | | Mẹ chồng | | | |
| 1.16 | Hà Thanh Tùng | | | | | | | Anh chồng | | | |
| V | NGƯỜI QUẢN TRỊ CÔNG TY | | | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Minh | | Người phụ trách quản trị công ty | 070071004480 | 15/05/2022 | Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội | 1046, khu phố Tân Đông I, đường phú riêng đố, TP. Đồng Xoài. | | | | |
| 1.1 | Nguyễn Thị Ngọc Hoa | 007C891046 Vietinbank | | | | | | Vợ | | | |
| 1.2 | Nguyễn Văn Khánh Nghi | | | | | | | Con | | | |
| 1.3 | Nguyễn Khánh Nguyên | | | | | | | Con | | | |
| 1.4 | Nguyễn Văn Cúc | | | | | | | Bố ruột | | | |
| 1.5 | Đặng Thị Con | | | | | | | Mẹ ruột | | | |
| 1.6 | Phạm Thị Tơ | | | | | | | Mẹ vợ | | | |
| 1.7 | Nguyễn Thị Thảo | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.8 | Tô Bửu Long | | | | | | | Em rể | | | |
| 1.9 | Nguyễn Thị Linh | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.10 | Nguyễn Thị Hương | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.11 | Nguyễn Văn Cường | | | | | | | Em ruột | | | |
| 1.12 | Châu Mộng Nghi | | | | | | | Em dâu | | | |